

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Thời gian: 01/06/2025 - 30/06/2025

Bộ phận: Phòng Kỹ thuật công nghệ và Môi trường - Cảng HKQT Tân Sơn Nhất

Người lập: Nguyễn Thị Thu Chức vụ: Nhân viên giám sát môi trường

**BÁO CÁO THÔNG SỐ TRẠM QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI NHÀ GA QUỐC TẾ T2**

Thông số theo QCVN 14:2008//BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)

Bảng thống kê số liệu quan trắc tháng 6 năm 2025

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
Tháng 06/2025										
01/06	197544,99	93572,79	60,01	38,78	21,80	7,34	28,60	31,65	6,41	37,04
02/06	198504,13	94107,91	54,32	38,71	21,30	7,39	28,60	38,03	6,50	37,08
03/06	199535,26	94649,82	76,81	51,00	25,99	7,38	28,60	45,16	6,65	37,17
04/06	200728,71	95239,27	70,57	45,87	21,86	7,41	28,60	40,37	6,60	37,13

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
05/06	201785,54	95763,02	61,46	42,08	21,71	7,35	28,60	41,85	6,55	37,12
06/06	202885,25	96331,01	69,16	751,71	24,45	7,34	28,60	46,73	6,55	37,11
07/06	203913,21	96859,92	67,33	43,06	22,19	7,40	28,60	47,72	6,39	37,03
08/06	205040,36	97441,87	68,75	46,01	23,66	7,40	28,60	44,89	6,18	36,92
09/06	206089,64	97970,82	64,12	43,56	21,52	7,36	28,60	41,88	6,06	36,86
10/06	207147,31	98496,20	63,59	43,64	22,07	7,42	28,60	49,47	6,04	36,87
11/06	208183,95	99028,04	69,20	46,52	23,96	7,41	28,60	51,48	6,12	36,89
12/06	209277,49	99575,96	61,84	43,88	21,55	7,38	28,60	42,53	5,89	36,78
13/06	210341,99	36037810 03252995 86250582 26176,00	60,05	40,78	20,34	7,37	28,60	39,54	5,57	36,62
14/06	210721,97	100653,73	73,08	50,43	25,27	7,38	28,60	36,98	5,30	36,48
15/06	212534,46	101208,55	68,92	46,20	23,94	7,41	28,60	39,32	5,67	36,67
16/06	213570,40	101742,75	64,11	40,79	21,15	7,40	28,60	36,31	5,77	36,72
17/06	214613,95	102294,07	65,48	42,93	23,01	7,37	28,60	34,48	5,98	36,83
18/06	215758,83	102902,69	69,08	48,44	25,45	7,36	28,60	30,09	5,66	36,66
19/06	216760,79	103430,06	67,74	42,69	22,64	7,36	28,60	35,13	5,34	36,50
20/06	217729,11	103951,25	60,30	41,29	22,47	7,37	28,60	39,07	5,50	36,58
21/06	218959,20	104589,32	75,48	47,22	24,08	7,34	28,60	43,09	6,24	36,95
22/06	219981,56	105112,25	72,94	45,10	22,77	7,40	28,60	31,87	5,86	36,76

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
23/06	220936,73	105598,79	57,47	35,65	18,68	7,34	28,60	30,48	5,20	36,43
24/06	221904,28	106107,73	69,18	43,88	22,90	7,41	28,60	25,62	5,11	36,39
25/06	222907,29	106614,62	61,88	39,29	19,59	7,35	28,60	27,75	5,10	36,38
26/06	223897,80	107128,23	73,23	44,63	23,29	7,38	28,60	31,00	5,10	36,38
27/06	224932,65	107648,38	68,61	42,28	20,81	7,38	28,60	40,71	5,10	36,38
28/06	225925,75	108143,70	68,79	42,84	21,29	7,37	28,60	40,90	5,10	36,38
29/06	226959,61	108656,65	67,66	40,86	20,53	7,37	28,60	38,60	5,10	36,41
30/06	227984,62	109173,02	75,43	44,30	22,38	7,34	28,60	47,62	5,23	36,46
Trung bình tháng 06	212901,89	12012603 34417665 25085155 3280,00	66,89	67,15	22,42	7,38	28,60	39,01	5,80	36,73
Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008//BTN MT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)	2.250 m3/ngày					10	-	100	5-9	-

Số/ No: 1250 2025/KQMT
 Mã số/ Code: 0557 2506
 Mã số mẫu/ Sample code: 01366 2506
 Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

1. Đơn vị yêu cầu/ Customer : CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT (TIA) CN TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP TAN SON NHAT INTERNATIONAL AIRPORT (TIA) BRANCH OF AIRPORTS CORPORATION OF VIETNAM - CTCP
2. Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT (TIA) CN TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP TAN SON NHAT INTERNATIONAL AIRPORT (TIA) BRANCH OF AIRPORTS CORPORATION OF VIETNAM - CTCP
3. Địa chỉ/ Address : 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
58 Truong Son Street, Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam
4. Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 03/06/2025
5. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 11/06/2025
6. Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn - Huỳnh Tấn Thịnh
7. Loại mẫu/ Kind of sample : Nước thải/ Waste water
8. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu/ Sampling and preservation methods : TCVN 5999:1995 - Lấy mẫu nước thải
TCVN 8880: 2011 - Mẫu vi sinh
TCVN 6663-3:2016 - Bảo quản và xử lý mẫu
TCVN 6663-1:2011 - Lập chương trình và kỹ thuật lấy mẫu
9. Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà ga Quốc tế
KÝ HIỆU: NTN2
Tọa độ: 10°49.061'; 106°39.924'

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 14: 2008/BTNMT Cột B (K=1)
1.	Coliforms (*)	SMEWW 9221B:2023	< 1,8	MPN/ 100 mL	5 000
2.	Tổng chất rắn hòa tan/ Total dissolved solids (TDS)	SOP.02-005	115	mg/L	1 000
3.	BOD ₅ (20°C) (*)	SMEWW 5210B:2023	10,5	mg/L	50
4.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)/ Nitrate (as N) (*)	SMEWW 4500 (NO ₃ ⁻)-E:2023	48,6	mg/L	50

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Fisheries Quality Assurance Department.

 No. Document: QTCL-13/BM05
 Version: 06
 Date of issue: 18/10/2022

 SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
 MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 1250 2025/KQMT
Mã số/ Code: 0557 2506
Mã số mẫu/ Sample code: 01366 2506
Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 14: 2008/BTNMT Cột B (K=1)
5.	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)/ Phosphate (as P) (*)	SMEWW 4500-P.E:2023	7,69	mg/L	10
6.	Sunfua (tính theo H_2S)/ Sulfur (as H_2S) (*)	TCVN 6659:2000	Không phát hiện (MDL=0,02)	mg/L	4,0
7.	Chất hoạt động bề mặt anion/ Anion surface activators (*)	SMEWW 5540B&C:2023	0,54	mg/L	10
8.	Dầu mỡ động, thực vật/ Oil and grease (*)	SMEWW 5520B&F:2023	Không phát hiện (MDL=1)	mg/L	20

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu/ The results are valid only on the test piece at the time of sampling.
- Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng/ Sampling site as the client's requirement.
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
- KPH: không phát hiện/ Not detected
- LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- (*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items was accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
- (s/c): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.

No. Document: QTCL-13/BM05
Version: 06
Date of issue: 18/10/2022

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Số/No.: 0472.2025/KQMT
Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/Code : 2506251/LM
Mã số mẫu/ : 2506748
Sample Code

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN ANALYSIS TESTING COMPANY LIMITED
Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT (TIA) - CN
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP
TAN SON NHAT INTERNATIONAL AIRPORT (TIA) - BRACH OF
AIRPORTS CORPORATION OF VIETNAM - ACV
Địa chỉ/ Address : Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/06/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/06/2025
June 09th, 2025 June 20th, 2025
Người lấy mẫu/ Sampling staff : Phạm Võ Linh Tâm
Loại mẫu/ Kind of sample : Không khí
Vị trí lấy mẫu/ Sampling site : Khu vực nhà ga Quốc nội - Cảng HKQT TSN. Tại tọa độ (10°48.222';
106°36.037'), ký hiệu LTK13.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm



Nguyễn Lê Phương Nhật

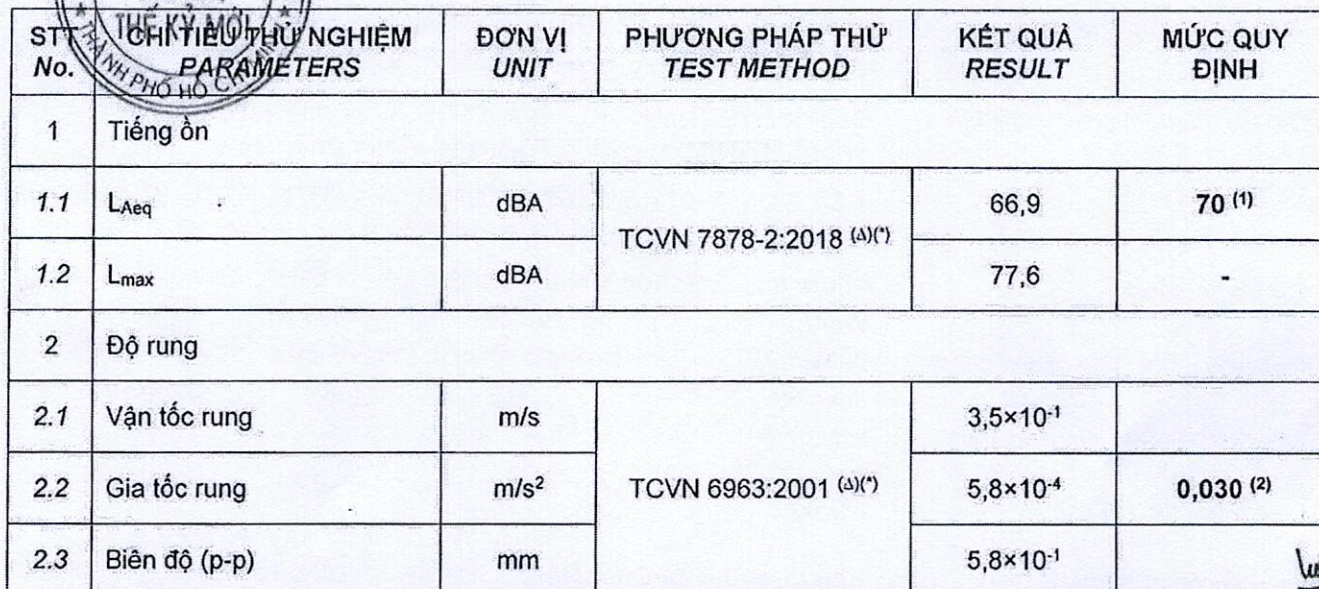
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024

Trang/ Page: 2/2

Mã số mẫu/ : 2506748

Sample Code



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- **Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng/ Sampling site as the client's requirement.**

- (1) QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn/ National Technical Regulation on Noise.

- (2) QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung/ National Technical Regulation on Vibration.